

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-5-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn
2. Ông Nguyễn Văn Luân

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh T – T ký Tòa án nhân dân huyện GD.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 767/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp 3, xã BD, huyện GD, tỉnh TN (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp 3, xã BD, huyện GD, tỉnh TN (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị N trình bày: chị và anh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống đến cuối năm 2017 xây nhà riêng trên đất của cha ruột là ông Võ Thành L; con chung có 02 người đang sống chung với vợ chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do anh V uống rượu về chửi bới chị Tòng xuyên. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh V, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi; cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung xin rút lại yêu cầu khởi kiện không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh V trình bày: thừa nhận lời trình bày của chị N về ngày tháng

năm chung sống, con chung là đúng sự thật. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cách ứng xử giữa hai vợ chồng không hợp nhau, anh uống rượu về chửi bới nhưng không Tòng xuyên. Chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Nếu cho ly hôn con chung yêu cầu được nuôi cháu T; cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, T ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung vụ án: Chị N và anh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn; quá trình sống chung đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do cách ứng xử không hợp nhau nên anh V uống rượu về chửi bới chị N Tòng xuyên. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N và anh V ly hôn là có căn theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: cháu Nguyễn Võ Nhật C, sinh ngày 30-7-2019 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 01-11-2017. Xét thấy 02 cháu chưa đủ 36 tháng tuổi. Đề nghị giao cho chị N tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về tài sản chung, cấp dưỡng nuôi con và nợ chung chị N rút lại yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định. Chị N và anh V tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2015 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; quá trình sống chung với nhau đến giữa năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp từ đó anh V đi uống rượu về chửi bới chị N nhiều lần trong thời gian dài; trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng vợ chồng không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh V trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho chị N và anh V ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị N và anh V thừa nhận có 02 người con chung gồm cháu Nguyễn Võ Nhật C, sinh ngày 30-7-2019 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 01-11-2017, tính đến thời điểm xét xử 02 cháu dưới 36 tháng tuổi. Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*”. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao con cho chị N tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung chị N rút lại yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

[4] Về nợ chung: ngày 19-12-2019 bà Đặng Thị Nhiều có đơn khởi kiện yêu cầu chị N và anh V trả số tiền 9.000.000 đồng, sau đó không nộp tiền tạm ứng án phí, đến ngày 23-02-2020 có đơn rút lại đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự, trả lại đơn khởi kiện cho bà Đặng Thị Nhiều.

[5] Do chị N rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung nên chị N phải phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản là 500.000 đồng. Ghi nhận chị N đã nộp 1.000.000 đồng, hoàn trả lại cho chị N 500.000 đồng.

[6] Về án phí: chị Võ Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, 192; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Võ Thị N ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: buộc anh Nguyễn Quốc V phải có nghĩa vụ giao hai cháu Nguyễn Võ Nhật C, sinh ngày 30-7-2019 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 01-11-2017 cho chị Võ Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Đình chỉ giải quyết về tài sản chung, cấp dưỡng nuôi con giữa chị Võ Thị N với anh Nguyễn Quốc V.

4. Trả lại đơn khởi kiện cho bà Đặng Thị Nhiều.

5. Chị Võ Thị N phải phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản là 500.000 đồng. Ghi nhận chị N đã nộp 1.000.000 đồng, hoàn trả lại cho chị N 500.000 đồng (Đã trả xong).

6. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị N đã nộp 2.175.000 đồng theo biên lai thu số 0009844 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD; hoàn trả cho chị Võ Thị N 1.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Võ Thị N và anh Nguyễn Quốc V có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC.THADS huyện GD;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng